

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-PT

Ngày: 28/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai;

Ông Cao Minh Lễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan— Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Dương Thị Q do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Hữu T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2021/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị cáo:

Dương Thị Q, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị S (chết); anh chị em ruột có bốn người, bị cáo là người thứ ba; Chồng là Phạm Văn V, sinh năm 1961; Con có 02 người, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo:

Ông Nguyễn Hữu T (T), sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ 13, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn V (có mặt).

2. Ông Nguyễn Chí Đ (Chỗ) (có mặt).

3. Bà Lê Thị H (có mặt).

4. Bà Nguyễn Kim D (có mặt).

(Trong vụ án, bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 08/5/2020, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Kim D, Lê Thị H (mẹ và vợ của T) đi bộ đến nhà của Dương Thị Q, tại ấp V, xã V, huyện T để làm rõ việc Nguyễn Chí Đ nghe T nói lại việc T nhiều lần quan hệ bất chính với Q. Khi đến đây, Phạm Văn V chồng của Q yêu cầu T xin lỗi về vụ việc trên, nhưng T không đồng ý, vì cho rằng không có nói chuyện như thế nên Q kêu V nhờ Đ qua để xác nhận T có nói hay không. Do Đ khẳng định T từng nói việc T và Q có quan hệ tình dục với nhau. Tức giận, Q dùng tay trái nắm cổ áo T rồi dùng tay phải đánh vào mặt T hai cái và kêu V vào nhà lấy dao dài 30,5cm, cán dao bằng nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng đưa cho Q, sau đó V và Đ đi ra ghế đá bên hông nhà ngồi nói chuyện còn Q trong lúc đứng đối diện, tay phải cầm dao, tay trái nắm lấy cổ áo T dùng dao chém trúng vào sống mũi T, gây thương tích. T được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang, điều trị, đến ngày 14/5/2020, T xuất viện.

Vật chứng thu giữ: 01 cây dao dài 30,5cm, cán dao bằng nhựa màu đen kích thước (1.5 x 3.5 x 11.8)cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng kích thước (3.7 x 18.7) cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 106/21/TgT ngày 15/3/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang đối với Nguyễn Hữu T, ghi nhận: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo mờ mũi, kích thước (4.3 x 0.1) cm, sắc gọn.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Tại Bản cáo trạng số 45/CT-VKSTS ngày 09/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Dương Thị Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị Q 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án (ngày 21/12/2021).

Giao bị cáo Dương Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Dương Thị Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo (Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí hình sự và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/12/2021, bị hại Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu xét xử lại toàn bộ vụ án đối với bị cáo Q, do mức hình phạt quá nhẹ, chưa đủ răn đe đối với hành vi của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại T có ý kiến: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo Q quá nhẹ; đề nghị phạt tù giam đối với bị cáo Q mới tương xứng hành vi của bị cáo đối với bị hại.

- Bị cáo Q có ý kiến: bị cáo đã biết lỗi, chỉ vì quá xấu hổ với hàng xóm nên trong lúc nóng giận bị cáo đã có hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị hại Nguyễn Hữu T kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp lời khai của bị hại, lời khai của chính bị cáo giai đoạn điều tra, lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định: bị cáo đã có hành vi dùng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm, gây thương tích cho bị hại T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2% do nguyên nhân bức tức việc nghe T vô cớ nói xấu bị cáo có quan hệ bất chính. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân để xét xử bị cáo 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm là phù hợp, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Q 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách 02 năm về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Nguyễn Hữu T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản kết luận giám định pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Do bức tức việc nghe T vô cớ nói xấu có quan hệ bất chính với bị cáo nên bị cáo đã có hành vi dùng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm, gây thương tích cho T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%.

[3] Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo Dương Thị Q đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu phải xử phạt tù giam đối với bị cáo Dương Thị Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Q là người trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi, hoàn toàn có khả năng nhận thức được việc nào đúng, việc nào sai, việc nào nên làm và việc nào không nên làm. Giữa bị cáo và người bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau, chỉ vì lời qua tiếng lại trong việc bị cáo nghe nói bị hại T vô cớ cho rằng bị cáo có quan hệ bất chính với bị hại nên bị cáo đã có hành vi dùng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại dẫn đến thương tích tỷ lệ 02%. Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại T mà còn gây mất trật tự tại địa phương. Do đó cần xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, khi quyết định hình phạt đã xem xét đến nhân thân của bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, học vấn thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 . Do bị cáo Q chưa từng vi phạm pháp luật nên có nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú ổn định, có khả năng tự cải tạo và việc bị cáo cải tạo bên ngoài không gây nguy hiểm cho xã hội; đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, nên cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo để xử phạt bị cáo Dương Thị Q 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm là đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc phải xử phạt tù giam đối với bị cáo Q của bị hại T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc phải xử phạt tù giam đối với bị cáo Dương Thị Q của bị hại Nguyễn Hữu T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Q phạm tội “ Cố ý gây thương tích ”.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị Q 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án (ngày 21/12/2021).

Giao bị cáo Dương Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Khánh, huyện T, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Dương Thị Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. (Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Về án phí phúc thẩm: Bị hại Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện T (2);
- Công an huyện T (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện T (1);
- UBND xã V, huyện T (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu